TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HS-ST
Ngày: 09-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Văn Inh.
2. Bà Thi Thị Thanh Trúc.

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Khởi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Như – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2023/TLST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Huỳnh Văn T, sinh ngày 01/01/1984.

Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn lớp 2/12; giới tính nam; Dân tộc: Kinh; quốc tịch Việt Nam; Tôn giáo: Phật giáo; con ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1956 và bà Hồng Thị V, sinh năm 1964; anh chị em ruột có 02 người, lớn nhất sinh năm 1978, nhỏ nhất sinh năm 1980 Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

- Bị cáo đang bị tạm giữ hình sự từ ngày 06/3/2023 đến ngày 09/3/2023 chuyển sang tạm giam đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Bà Lê Thị S, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: ấp G, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Hồng Thị V, sinh năm 1964
Nơi cư trú: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Huỳnh Văn T và bà Lê Thị , sinh ngày 15/7/1980, nơi cư trú ấp G, xã , huyện C, tỉnh Trà Vinh không có mối quan hệ bà con họ hàng, không quen biết nhau từ trước. Bà S mở cửa hàng buôn bán tạp hóa tại nhà và có treo biển hiệu, trên biển hiệu tạp hóa có ghi số điện thoại của bà S là 0356.221.159.

Do cần tiền tiêu xài cá nhân, khoảng 10 giờ 20 phút, ngày 18/9/2022, bị cáo T sử dụng số điện thoại di động cá nhân 0332.144.024 gọi vào số điện thoại di động 0356.221.159 của bà S với mục đích mượn tiền. Bà S nghe điện thoại, lúc này bị cáo T chưa kịp nói tên gì, ở đâu thì bà S nhầm tưởng bị cáo T là anh Nguyễn Phước T, sinh năm 1984, nơi cư trú ấp G, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh do bà S nhờ anh T mua tủ lạnh với số tiền là 3.300.000đồng nên đã hỏi là "*T hả*". Bị cáo T không biết T là ai và cũng không có bất cứ quan hệ gì với T nhưng khi nghe bà S hỏi, bị cáo T biết bà S đã nhầm tưởng mình với một người quen khác tên T nên bị cáo T nhận mình là T và trả lời là "*Ừ*". Bị cáo T hỏi bà S có tiền không, nếu có thì cho bị cáo T mượn, nhưng không nói rõ số tiền cần mượn là bao nhiêu.

Bà S hỏi thêm lần nữa là "*T máy lạnh hả*". Bị cáo T tiếp tục nhận mình là T nên trả lời với bà S là "*Ừ*". Bà S nói với bị cáo T "*Nhiều tiền thì không có nhưng khoảng 2.000.000 đồng thì có*". Bị cáo T nói với bà S "*Vậy cũng được*". Do sợ bà S phát hiện mình không phải là T nên bị cáo T nói với bà S lát nữa sẽ có "lính" (người làm thuê) xuống lấy thì bà S đồng ý. Khoảng 30 phút sau, bị cáo T điều khiển xe mô tô hai bánh biển số 84H3-8728 đi từ nhà đến cửa hàng tạp hóa của bà Sang để lấy số tiền 2.000.000 đồng. Bà S nghĩ bị cáo T là người làm thuê của T nên đưa số tiền 2.000.000 đồng cho bị cáo T, số tiền này bị cáo T đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 19/9/2022, anh Nguyễn Phước T đến gặp bà S để lấy tiền mua tủ lạnh thì bà S nói đã đưa 2.000.000 đồng cho người làm thuê của T vào ngày 18/9/2022. T nói không có người làm thuê và cũng không nhờ ai đi lấy tiền nên bà S biết mình đã bị lừa. Ngày 19/10/2022, bà S đến Công an xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành để trình báo sự việc.

Tại biên bản nhận dạng ngày 10/01/2023, bà Lê Thị S nhận dạng bị cáo Huỳnh Văn T là người đã nhận số tiền 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)* vào ngày 18/9/2022.

Quá trình điều tra xác định xe mô tô biển số 84H3-8728 mà bị cáo sử dụng vào ngày 18/9/2022 là do bà Khu Thị P, sinh năm 1971, thường trú ấp T, xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đứng tên chủ sở hữu. Bà P giao xe cho con trai là Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 19/4/1993 quản lý và sử dụng. Tháng 9/2022, Bị cáo T mượn xe của anh N để sử dụng, tuy nhiên việc bị cáo T dùng xe làm phương tiện đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà S, anh N không biết nên không xem xét xử lý đối với anh N.

- Tình tiết tăng nặng: Không có. Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, Huỳnh Văn T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện tác động gia đình bồi thường cho bị hại với số tiền 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)*

Tại bản cáo trạng số: 36/CT-VKS.HS, ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố bị cáo Huỳnh Văn T, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo T, hoàn toàn thống nhất với nội dung bản cáo trạng của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như sau:

Vào khoảng 10 giờ 20 phút ngày 18/9/2022 tại ấp G, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, bị cáo T không quen biết gì với bà S nhưng gọi điện thoại cho bà S với ý định mượn tiền. Lợi dụng sự nhầm lẫn của bà S nên bị cáo T đã nhận mình là Nguyễn Phước T là người quen của bà S để lừa đảo chiếm đoạt của bà S số tiền là 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)*

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành như sau: Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T. Vị đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự vị Đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T từ 09 (chín) tháng đến 12 tháng tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn phạt tù được tính từ ngày bắt giữ bị cáo là ngày 06 tháng 3 năm 2023.

Về trách nhiệm dân sự: Do bị cáo T đã bồi thường xong cho bị hại S, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà V không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã bồi thường thay cho bị cáo nên Vị đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra vị còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý vật chứng và buộc bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Qua quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo T, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa bị hại Lê Thị S vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành

tố tụng, đồng thời thống nhất với biên bản khám nghiệm hiện trường. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời nhận tội của bị cáo T tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành thu thập được.

Do vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành quyết định truy tố bị cáo T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là phù hợp với qui định của pháp luật không oan, không sai.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội; bởi vì, tiền tài sản của công dân do quá trình cực lực lao động mới có được. Bị cáo là người có đủ sức khỏe lao động tạo ra nguồn thu nhập, phục vụ nhu cầu cuộc sống bản thân và gia đình. Do lười lao động, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ ra sức lao động, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của bị hại và đưa ra thông tin gian dối để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại.

[5] Tính chất của vụ án ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm và chính bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm hại sẽ bị nghiêm trị. Bản thân bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ tư lợi, tham lam, lười lao động, muốn có tiền tiêu xài, không phải bỏ công sức lao động, dẫn đến bị cáo cố ý phạm tội, tội phạm đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra. Hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương và gây hoang mang trong đời sống của quần chúng nhân dân.

[6] Tình hình lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn huyện Châu Thành thời gian gần đây xảy ra liên tục, gây bức xúc trong Nhân dân. Để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử cần lên cho bị cáo một mức án tương xứng với hành vi của bị cáo và tính chất của vụ án, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo T. Hội đồng xét xử cũng cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; vì bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện tác động gia đình bồi thường cho bị hại với số tiền 2.000.000đồng *(Hai triệu đồng*), bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những căn cứ để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Do đó ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường xong cho bị hại S số tiền 2.000.000đồng *(Hai triệu đồng)* và bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bà Hồng Thị V là mẹ của bị cáo không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 2.000.000đồng *(Hai triệu đồng)* mà bà đã bồi thường thay cho cho bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng: Hội đồng xét xử nghĩ nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, loại bàn phím, đã qua sử dụng và tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim của nhà mạng Viettel số thuê bao 0332.144.024.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Huỳnh Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn T phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 06/3/2023

2. Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, loại bàn phím, đã qua sử dụng.
- Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim của nhà mạng Viettel số thuê bao 0332.144.024.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Huỳnh Văn T phải chịu 200.000đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày án sơ thẩm tuyên.

Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Liên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Công an huyện Châu Thành;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.